ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2435 /QĐ-UBND	*Lai Châu, ngày 12 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 239/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ

quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01/8/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;

Căn cứ Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 240/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều về cơ chế, chính sách phát huy nguồn lực xây dựng, vận hành Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do và Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng theo Nghị quyết số 250/2025/QH15

ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 48/2025/TT-BCT ngày 03/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Lai Châu.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 5061/TTr-SCT ngày 23/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện 76 nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, cụ thể:

1. Lĩnh vực Điện lực: 02 nhiệm vụ, theo Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu: 18 nhiệm vụ, theo Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Lĩnh vực An toàn thực phẩm: 02 nhiệm vụ, theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

4. Lĩnh vực Thương mại quốc tế: 17 nhiệm vụ, theo Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

5. Lĩnh vực Kinh doanh thuốc lá: 04 nhiệm vụ, theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

6. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện: 03 nhiệm vụ, theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

7. Lĩnh vực Năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: 01 nhiệm vụ, theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

8. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp: 05 nhiệm vụ, theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

9. Lĩnh vực Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm: 01 nhiệm vụ, theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

10. Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản: 05 nhiệm vụ, theo Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

11. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương: 01 nhiệm vụ, theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

12. Lĩnh vực Hóa chất: 12 nhiệm vụ, theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

13. Lĩnh vực Hội nhập kinh tế quốc tế: 02 nhiệm vụ, theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

14. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại: 03 nhiệm vụ, theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền

1. Các nhiệm vụ quy định tại Phụ lục I có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trừ trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung ủy quyền được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các nhiệm vụ quy định tại Phụ lục II có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, trừ trường hợp các quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung ủy quyền được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này bảo đảm đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nội dung được ủy quyền theo đúng quy định.

2. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền, Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện đúng nội dung, phạm vi, trình tự, thủ tục và thời hạn được ủy quyền; bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện; kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc;

c) Về chế độ báo cáo: Thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền; nội dung báo cáo phải đánh giá kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có);

d) Về kiểm tra chuyên ngành: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được pháp luật quy định, kiểm tra chuyên ngành đối với việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nhiệm vụ được ủy quyền; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm

quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

đ) Chủ động rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp nội dung được ủy quyền không còn phù hợp hoặc có thay đổi về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thì kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung hoặc chấm dứt việc ủy quyền theo quy định;

e) Sử dụng con dấu của Sở Công Thương để thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này theo quy định của pháp luật.

3. Không được ủy quyền lại cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép bằng văn bản.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy; (Báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V, TH, CB;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị;
- Lưu: VT, KTN (Oanh, Hoàng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Hà Quang Trung